TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 11/4/2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thành

2. Bà Nguyễn Ngọc Oanh

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Thái Quang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 11 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2019/TLST - HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 và Giấy Triệu tập số 09/2019/GTT - TA ngày 28 tháng 03 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn X, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn: Chị Trần Ngọc H1, sinh năm 1992.

Nơi ĐKHKTT: Thôn X, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;

Chỗ ở: Tổ 29, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/01/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày:

Anh H và chị Trần Ngọc H1 đăng ký kết hôn với nhau ngày 09/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 06 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, chị H1 cờ bạc, lô đề dẫn đến việc nợ lần, anh đã nhiều lần đứng ra trả nợ thay cho vợ. Mâu thuẫn đã được vợ chồng và hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Ngọc H1.

* Về con chung: Anh H và chị H1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 10/3/2015. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh có nguyện vọng được

trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về chia tài sản, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Ngọc H1 vắng mặt. Từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm, mặc dù Tòa án đã triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H1, nhưng chị H1 vẫn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án mà không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Thanh H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết quyền nuôi con với chị Trần Ngọc H1, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Chị Trần Ngọc H1 có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Ngọc H1 vắng mặt. *Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật TTDS 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.*

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Thanh H và chị Trần Ngọc H1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, chị H1 cờ bạc, lô đề dẫn đến việc nợ nần, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng và gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị H1 đến để hòa giải, nhưng chị H1 không đến, nên Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được. Xét mâu thuẫn vợ chồng của anh H, chị H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của anh H là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh H, chị H1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 10/3/2015, đang ở cùng anh H. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà anh H đều bày tỏ nguyện vọng, được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị H1 đến hòa giải về vấn đề con chung, nhưng chị H1 không đến và cũng không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về việc nuôi con. Do đó, cần giao cháu T cho anh H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật và hoàn cảnh thực tế của các đương sự.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Anh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Thanh H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh H được ly hôn với chị Trần Ngọc H1

2. Về nuôi con: Giao cháu cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 10/3/2015 cho anh Nguyễn Thanh H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Trần Ngọc H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp theo biên lai số AA/2017/0002119 ngày 16/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Xác nhận anh H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, anh Nguyễn Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Ngọc H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hàn án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầ thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại cá điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qu định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- VKSND thành phố Y;
- Chi cục THADS thành phố Y;
- UBND xã T, Tp Y, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy